

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Thẩm phán: Ông Vũ Đức Hùng

Các hội thẩm nhân dân :

- Trần Tiến Thành

- Nguyễn Thị Lộc

- Nguyễn Hữu Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân dân tỉnh Bình Thuận. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2023/HS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 05-12-2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/HS-QĐ ngày 27/12/2023 đối với bị cáo:

Lê Minh Q - sinh năm 1989, tại Bình Thuận.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: khu phố G, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Con ông Lê Hữu C (chết) và bà Nguyễn Thị T(chết) ; Anh chị em ruột: có 06 người; Vợ: Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1986, HKTT: khu phố H, TT T, H, Bình Thuận, con: có 01 con, sinh năm 2020; Tiền sự, Tiền án: Không;

- Nhân thân: Ngày 03/12/2007, Lê Minh Q bị Công an huyện H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐXPVPHC xử phạt số tiền 1.500.00 đồng về hành vi đánh người gây thương tích. Q đã nộp phạt ngày 03/12/2007.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Lê Văn K, Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh B.

** Bị hại:*

- Ông Nguyễn Lê Công T1, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ: C, đường L, thuộc khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- Công ty V tại địa chỉ số: C L, khu phố I, phường P, thành phố P; Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Phạm Duy P, sinh năm 1995, chức vụ Giám đốc, địa chỉ: khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ liên hệ: kho bia T9, thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Công T2, sinh năm 1990, địa chỉ cư trú: khu phố A, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

- Ông Hồ Tấn D, sinh năm 1979, địa chỉ: DV cầm đồ T, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.(vắng mặt)

- Ông Trương Thanh B, sinh năm 1992, địa chỉ: khu phố F, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh Q là tài xế lái xe ô tô dịch vụ vận chuyển khách. Trong quá trình thuê xe ô tô tự lái, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 1/2021 đến tháng 7/2022, Q đã 04 lần thuê xe ô tô tự lái, trong đó thuê người làm giấy tờ giả rồi mang xe ô tô đi cầm cố, chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Vào khoảng 14 giờ ngày 02/12/2020, Lê Minh Q đến cơ sở thuê xe ô tô tự lái tại số C, đường L, thuộc khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận do ông Nguyễn Lê Công T1 làm chủ thuê xe ô tô hiệu Kia Cerato màu trắng, biển số 86A-151.55 của ông Đinh Thành T3, sinh 1998, trú thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận đứng tên chủ sở hữu (ông T3 cho ông T1 thuê trước đó) để đi công việc. Bị cáo Q và ông T1 làm hợp đồng thuê xe với giá thuê 600.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ ngày 02/12/2020 đến ngày 01/01/2021. Hết thời gian thuê, bị cáo Q điện thoại cho ông T1 xin gia hạn thuê thêm mấy ngày nữa nhưng ông T1 không đồng ý. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên đến ngày 05/01/2021, thông qua bạn là Nguyễn Thanh P1 (sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) giới thiệu, Q mang xe ô tô biển số 86A-151.55 đến kho bia Thượng Thời thuộc thôn A, xã T, huyện H cầm cố cho ông Nguyễn Tấn N (là chủ tiệm cầm đồ). Khi cầm cố xe Q nói dối là xe của mình mua lại của người khác, nhưng chưa

sang tên. Ông N nghe vậy nên tin tưởng để Q viết giấy tay cầm cố xe ô tô và cho Q vay số tiền 40.000.000 đồng. Khoảng 5 đến 6 ngày sau, Q quay lại gặp ông N lấy lý do cần tiền để lo cho gia đình nên lấy thêm số tiền 60.000.000 đồng; ông N đồng ý và cho Q viết lại giấy cầm cố xe để vay số tiền là 100.000.000 đồng. Khoảng 5 đến 6 ngày sau, Q lấy lý do là cần tiền để lấy giấy tờ đất nên lấy thêm 50.000.000 đồng; ông N đồng ý và cho Q viết lại giấy cầm cố xe để vay số tiền là 150.000.000 đồng. Khoảng 5, 6 ngày sau Q quay lại gặp ông N lấy lý do cần tiền lo cho gia đình nên lấy thêm 30.000.000 đồng; ông N đồng ý và cho Q viết lại giấy thế chấp để vay số tiền là 180.000.000 đồng. Khoảng 2, 3 ngày sau, Q quay lại mượn thêm ông N 5.000.000 đồng nên hai bên thống nhất sửa lại số tiền trong giấy thế chấp là 185.000.000 đồng. Trong thời gian này, ông T1 liên tục điện thoại đòi Q trả lại xe ô tô. Q hứa đến ngày 19/01/2021 sẽ trả xe và tính tiền thuê xe luôn, nhưng đến hẹn Q không có tiền chuộc xe nên đã bỏ trốn. Qua theo dõi định vị trên xe, ông T1 biết được xe ô tô biển số 86A-15155 để tại nhà của ông N nên đã đến gặp ông N thì được biết Q đã thế chấp xe ô tô trên cho ông N.

Ngày 21/01/2021, ông Nguyễn Lê Công T1 đã viết đơn tố cáo Lê Minh Q có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đến Công an phường P, thành phố P.

Ngày 21/01/2021, ông Nguyễn Lê Công T1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 hợp đồng thuê xe giữa Đinh Thành T3 và Lê Công T1 (bản chính); 01 Hợp đồng thuê xe giữa Nguyễn Lê Công T1 và Lê Minh Q (bản chính) và các giấy tờ phô tô gồm: 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Minh Q, 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh Q, 01 giấy biên nhận thế chấp giữa Đinh Thành T3 với ngân hàng M, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86A-151.55 mang tên Đinh Thành T3, 01 giấy thế chấp giữa Lê Minh Q và Nguyễn Tấn N, 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thành T3. (Bút lục 123)

Ngày 29/01/2021, ông Nguyễn Tấn N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe ô tô biển số 86A-151.55; 01 giấy thế chấp đề ngày 05/01/2021 do Lê Minh Q ký xác nhận (bản chính), 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh Q (bản chính) và các giấy tờ phô tô gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 86A-151.55, 01 giấy Chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Tấn N, 01 sổ hộ khẩu số 1296, chủ hộ là Nguyễn Tấn N. (Bút lục 71,191)

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P và Công văn số 172/HĐĐG ngày 27/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P xác định: Chiếc xe ô tô hiệu KIA CERATO, biển số 86A- 151.55, trị giá tài sản là 541.800.000 đồng (giá trị tại thời điểm ngày 05/01/2021). (Bút lục 75, 234, 235, 236, 238)

Tại Kết luận giám định số 818/KLGD-PC09 ngày 26/7/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

+ Chữ ký mang tên Lê Minh Q trên các tài liệu cần giám định (“Giấy thế chấp” mang tên Lê Minh Q đề ngày 05/01/2021 ký hiệu A1; Hợp đồng thuê xe mang tên bên cho thuê Nguyễn Lê Công T1 và bên thuê xe Lê Minh Q, đề ngày 02/12/2020, ký hiệu A2) so với chữ ký đứng tên Lê Minh Q trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký;

+ Chữ viết trên “Giấy thế chấp” ký hiệu A1 so với chữ viết từ mục “Họ tên” đến mục “Nơi cấp” so với chữ viết trên Tờ khai chứng minh nhân dân đứng tên Lê Minh Q, đề ngày 03/6/2016, ký hiệu M1 và Tờ khai chứng minh nhân dân đứng tên Lê Minh Q, đề ngày 18/6/2013, ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra;

+ Chữ viết trên Hợp đồng thuê xe ký hiệu A2 so với chữ viết đứng tên Lê Minh Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người viết ra. (Bút lục 109)

Ngày 15/10/2021, Lê Minh Q đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ba lần tiếp theo:

Khoảng 15 giờ ngày 10/6/2022, Lê Minh Q đến Công ty V tại địa chỉ số: 300 - L, khu phố I, phường P, thành phố P để thuê xe chạy dịch vụ. Khi đến nơi, Q gặp ông Trương Phạm Duy P là giám đốc công ty và làm thủ tục thuê xe ô tô hiệu Hyundai Accent, màu đen, biển số 77A-223.26 với giá 700.000đ/ngày, Q để lại xe máy và cung cấp bằng lái xe ô tô của Q cho ông P xem và gửi tiền đặt cọc cho ông P. Q lấy chiếc xe trên về chạy dịch vụ chở khách. Hai bên không có thương lượng ngày trả xe vì Q thuê xe dài hạn. (Bút lục: 373-374)

Sáng ngày 19/6/2022, Q điện thoại cho P nói: “Có xe nào rảnh không cho em mượn thêm để em chạy” thì ông P đồng ý và hẹn chiều tối đến lấy xe. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, tài xế chở Q đi đến Công ty V bằng xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A - 223.26 và gặp ông P. Ông P giao cho Q chiếc xe ô tô hiệu KIA K5, màu đỏ, biển số 86A-196.85 và làm hợp đồng thuê xe với giá 900.000đ/ngày. Sau khi Q lấy chiếc xe trên thì Q sử dụng xe trên để chạy dịch vụ chở khách. Hai bên không có thương lượng ngày trả xe vì Q thuê xe dài hạn. (Bút lục: 376-377).

Sáng ngày 25/6/2022, Q tiếp tục điện thoại cho ông P hỏi có xe 7 chỗ không để Q đổi chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 thì ông P nói là có. Khoảng 20 giờ cùng ngày, trên đường Q chở khách từ P về thì Q ghé qua Công ty V của ông P làm hợp đồng thuê xe ô tô Fortuner, màu trắng, biển số 86A-159.23 với giá 1.000.000đ/ngày và Q giao chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 cho tài xế chạy chở khách về. Q nói với ông P: “Do xe có khách nên ngày mai sẽ trả chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 cho anh” và ông P đồng ý. Qua ngày hôm sau thì Q điện thoại nói với ông P do có nhiều khách nên cho thuê chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 thêm vài ngày rồi Q chuyển tiền thuê 03 chiếc xe cho ông P thì ông P đồng ý. (Bút lục: 378-379)

Đến ngày 30/6/2022 do Q thiếu tiền, không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Q nảy sinh ý định làm giả giấy tờ chiếc xe ô tô hiệu KIA K5, biển số 86A-196.85 cầm cố xe lấy tiền trả nợ. Q thấy tờ giấy đăng ký xe ô tô phôtô có thông tin của chủ chiếc xe ô tô mang tên Đặng Trung T4, sinh năm 1991, địa chỉ: C N, khu phố D, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên Q thông qua mạng Facebook đặt làm 01 căn cước công dân theo thông tin của chủ xe, chỉ thay đổi hình của Q để làm căn cước công dân và giấy đăng ký xe ô tô theo thông tin của chiếc xe ô tô trên với giá 8.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau thì có 01 người giao hàng (shipper) đem căn cước công dân và giấy đăng ký xe ô tô đến giao cho Q. Q đem chiếc xe 86A-196.85 đi đến tiệm C1, ấp T, thuộc xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gặp ông Hồ Tấn D, (là chủ tiệm cầm đồ). Q đưa căn cước công dân cùng với giấy đăng ký xe ô tô giả cho ông D xem và cầm cố xe ô tô 86A-196.85 cho ông D với giá 300.000.000 đồng, lãi suất là 9.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 03/7/2022 thì có người giới thiệu cho Q ông Phạm Đình T5 (sinh năm 1971, tên thường gọi là Ú, trú khu phố A, phường P, T) nhận cầm xe với lãi suất thấp. Q nói với ông T5 cần chuộc xe ô tô hiệu KIA K5, biển số 86A-196.85 mà Q đã cầm cố ở tiệm cầm đồ Tấn D với giá 300.000.000 đồng và nói ông T5 cho mượn thêm 300.000.000 đồng, ông T5 đồng ý và hẹn 13 giờ 30 phút cùng ngày đến tiệm C1 để lấy xe. Đến giờ hẹn, Q cùng con rể của ông T5 là ông Nguyễn Công T2 (sinh năm 1990, trú khu phố A, phường P, T) đi chuộc chiếc xe ô tô hiệu KIA K5, biển số 86A-196.85 về. Sau đó, Q cầm cố chiếc xe này cho T2. Q và T2 làm hợp đồng cho vay tiền vào ngày 03/7/2022 với số tiền là 600.000.000 đồng. Q để lại xe ô tô KIA K5, biển số 86A-196.85 cho ông T2 cùng với căn cước công dân và giấy đăng ký xe ô tô mà Q đã làm giả. (Bút lục: 412, 414-415, 417-422)

Sau khi sử dụng hết số tiền nói trên, Q tiếp tục liên lạc trên Facebook với người đã làm giả căn cước công dân và giấy đăng ký xe để làm thêm cho Q căn cước công dân với thông tin cũ và giấy đăng ký xe ô tô Fortuner, màu trắng, biển số 86A-159.23 theo thông tin chủ xe như căn cước công dân. Đến chiều ngày 04/7/2022, 01 người shipper gửi cho Q căn cước công dân và giấy đăng ký xe ô tô Fortuner, màu trắng, biển số 86A-159.23. Sau khi có căn cước công dân và giấy đăng ký xe ô tô Fortuner, biển số 86A-159.23 thì Q đem chiếc xe ô tô trên đến tiệm cầm đồ Tấn D thuộc xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cầm cố chiếc xe ô tô Fortuner, biển số 86A-159.23 cho ông Hồ Tấn D với giá 500.000.000 đồng. Đến ngày 07/7/2022, Q điện thoại cho ông D mượn thêm 20.000.000 đồng và nói tính vào tiền cầm cố chiếc xe ô tô Fortuner, biển số 86A-159.23, ông D đồng ý. Q nói ông D chuyển khoản vào số tài khoản của bạn Q là Huỳnh Văn S. Sau khi nhận được tiền thì S rút tiền ra và đưa cho Q. Khoảng 01 tuần sau Q tiếp tục điện thoại cho ông D và nói lấy thêm 20.000.000 đồng nữa, ông D đồng ý và ông D cũng chuyển vào tài khoản của bạn Q (do thời gian đã lâu nên Q không nhớ mượn tài khoản của ai). Tổng cộng số tiền mà Q cầm cố chiếc xe ô tô Fortuner, biển số 86A-

159.23 cho ông D với số tiền là 540.000.000 đồng. (Bút lục: 423, 425-426, 430-431)

Đến ngày 15/7/2022, Q đi ra P chơi và Q hỏi mượn ông Trương Thanh B số tiền là 300.000.000 đồng nói vài ngày sau sẽ trả lại. B yêu cầu Q viết giấy nợ và cầm cố xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 mà Q đang sử dụng cùng với cuốn sổ hộ khẩu của gia đình Q để làm tin thì B mới cho Q mượn tiền. Q đồng ý nên đã viết giấy nợ và cầm cố xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số 77A-223.26 cùng với cuốn sổ hộ khẩu của gia đình Q cho anh B. Sau khi nhận được tiền thì Q bỏ đi và không liên lạc với B nữa. (Bút lục: 432, 437-442)

Đến ngày 17/7/2022, ông Trương Phạm Duy P thấy đến ngày trả xe theo hợp đồng nhưng Q không mang xe đến trả, không thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng đã thỏa thuận. Ông P nhiều lần gọi điện cho Q nhưng số điện thoại của Q không liên lạc được. Kiểm tra định vị xe, ông P trực tiếp đi đến các vị trí xe đang đậu thì phát hiện xe ô tô hiệu KIA K5, biển số: 86A-196.85 hiện đang bị cầm cố cho ông T2 ở T, tỉnh Bình Thuận; xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển số: 86A-15923 bị làm giả giấy tờ mang đi cầm cố tại tiệm C1 tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; xe ô tô hiệu Hyundai Accent, biển số: 77A-223.26 hiện đang để tại nhà người dân thuộc xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên đã trình báo cơ quan Công an. (Bút lục: 334-340, 345-347, 369-371, 380-381)

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P đã tiến hành tạm giữ đồ vật, tài liệu như sau:

- 01 xe ô tô Fortuner, màu trắng, biển số 86A-159.23; có số máy: 2GD0911353 – số khung: RL4AB3GS1L2887657; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86A-159.23 mang tên chủ xe Đặng Trung T4; 01 căn cước công dân số 060091032276 mang tên Đặng Trung T4. (Bút lục: 424)

- 01 xe ô tô KIA K5, màu đỏ, biển số 86A-196.85; có số máy G4NAMH625070 – số khung: RNYGA44A6NC237915; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 86A-196.85 tên chủ xe Đặng Trung T4; 01 căn cước công dân số 060091032276 mang tên Đặng Trung T4. (Bút lục: 416)

- 01 xe ô tô hiệu Hyundai Accent, màu đen, biển số 77A-223.26; có số máy: G4LCMG042898 – số khung: RLUA741BBNN072062. (Bút lục: 436)

*** Tại các Bản kết luận định giá tài sản số: 208A, 209A, 210A/KL-HĐĐG cùng ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận:**

1/ Tên tài sản: 01 xe ô tô hiệu Hyundai Accent, màu đen, biển số: 77A-223.26, số máy: G4LCMG042898, số khung: RLUA741BBNN072062. Giá trị tài sản: 470.476.530 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ngàn đồng). (Bút lục: 360)

2/ Tên tài sản: 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, màu trắng, biển số: 86A-159.23, số máy: 2GD0911353, số khung: RL4AB3GS1L2887657. Giá trị tài sản:

1.033.853.800 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba ngàn tám trăm đồng). (Bút lục: 367)

3/ Tên tài sản: 01 xe ô tô hiệu KIA K5, màu đỏ, biển số: 86A-196.85, số máy: G4NAMH625070, số khung: RNYGA44A6NC237915. Giá trị tài sản: 811.037.700 đồng (T6 trăm mười một triệu không trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm ngàn đồng). (Bút lục: 353)

*** Tại Bản kết luận giám định số: 707/KL-KTHS ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:**

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 007511, tên chủ xe: Đặng Trung T4, địa chỉ: C N.Hội, Kp4, X, P, biển số đăng ký: 86A-196.85 cấp ngày: 01/03/2022, tên nơi cấp: Phòng C2 – Công an tỉnh B (ký hiệu A1): là giả.

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032487, tên chủ xe: Đặng Trung T4, địa chỉ: C N.Hội, Kp4, X, P, biển số đăng ký: 86A-159.23 cấp ngày: 08/12/2020, tên nơi cấp: Phòng C2 – Công an tỉnh B (ký hiệu A2): là giả

- 02 (hai) căn cước công dân số: 060091032276, họ và tên: Đặng Trung T4, ngày tháng năm sinh: 01/01/1991, quê quán: Bình Thuận, nơi thường trú: 305 N, khu phố D, X, P, Bình Thuận, cấp ngày: 15/08/2018, tên nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư (ký hiệu A3, A4): là giả.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô biển số 86A - 151.55 đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Đinh Thành T3. (Bút lục 19, 143)

- 01 xe ô tô biển số 77A-223.26 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị L (bà L cho P thuê, sau đó P cho Q thuê lại). (Bút lục: 383-384, 390)

- 01 xe ô tô biển số 86A-196.85 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Đặng Trung T4 (ông T4 cho P thuê, sau đó P cho Q thuê lại) (Bút lục: 399-401)

- 01 xe ô tô biển số 86A-159.23 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Minh T7 (bà T7 cho P thuê, sau đó P cho Q thuê lại) (Bút lục: 404-405, 409)

- 01 hợp đồng thuê xe giữa Đinh Thành T3 và Nguyễn Lê Công T1 (bản chính); 01 hợp đồng thuê xe giữa Nguyễn Lê Công T1 và Lê Minh Q (bản chính); 01 giấy thế chấp đề ngày 05/01/2021 do Lê Minh Q ký xác nhận (bản chính) và các giấy tờ phô tô gồm: 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Minh Q, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh Q, 01 giấy biên nhận thế chấp giữa Đinh Thành T3 với ngân hàng M1, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86A-151.55 mang tên Đinh Thành T3, 01 giấy thế chấp giữa Lê Minh Q và Nguyễn Tấn N, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thành T3, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 86A-151.55,

01 chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Tấn N, 01 sổ hộ khẩu số 1296 chủ hộ Nguyễn Tấn N được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các giấy tờ, tài liệu giả gồm: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 007511, tên chủ xe: Đặng Trung T4, địa chỉ: C N, khu phố D, X, P, biển số đăng ký: 86A-196.85 cấp ngày: 01/03/2022, tên nơi cấp: Phòng C2 – Công an tỉnh B; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032487, tên chủ xe: Đặng Trung T4, địa chỉ: C N, khu phố D, X, P, biển số đăng ký: 86A-159.23 cấp ngày: 08/12/2020, tên nơi cấp: Phòng C2 – Công an tỉnh B (ký hiệu A2) và 02 (hai) Căn cước công dân số: 060091032276, họ và tên: Đặng Trung T4, ngày tháng năm sinh: 01/01/1991, quê quán: Bình Thuận, nơi thường trú: 305 N, khu phố D, X, P, Bình Thuận, cấp ngày: 15/08/2018, tên nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự:

- Ông Đinh Thành T3, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Minh T7, và ông Đặng Trung T4, sau khi nhận lại xe ô tô không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

- Lê Minh Q đã trả cho ông Nguyễn Lê Công T1 số tiền thuê xe 36.800.000 đồng và ông Trương Phạm Duy P số tiền thuê xe 55.000.000 đồng. Ông Nguyễn Lê Công T1 và ông Trương Phạm Duy P không yêu cầu gì đối với Lê Minh Q. (Bút lục: 133, 135, 380-381)

- Ông Nguyễn Tấn N yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 185.000.000 đồng; ông Hồ Tấn D yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 540.000.000 đồng; ông Nguyễn Công T2 yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 600.000.000 đồng; ông Trương Thanh B yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. Hiện nay, Lê Minh Q chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho các đương sự. (Bút lục 200, 421-422, 430-431, 437-438)

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSBT-P1 ngày 10-10-2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lê Minh Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt thành khẩn khai báo theo qui định tại khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh Q từ 14 đến 15 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 03 đến 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, xử phạt bị cáo từ 17 đến 19 năm tù cho hai tội. Về dân sự, Kiểm sát viên đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận cầm cố 4 chiếc xe ô tô.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh Q phát biểu: việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã trả tiền thuê xe cho chủ xe xem như khắc phục một phần thiệt hại, hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn.

Bị cáo Lê Minh Q thống nhất với phần trình bày của người bào chữa, không bổ sung gì thêm. Bị cáo nói lời sau cùng hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra-Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thể hiện tại hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy các đương sự đã có lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai không có mâu thuẫn gì đối với bị cáo nên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và thống nhất với việc xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt của cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp các kết quả điều tra, kết quả giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Lê Minh Q là tài xế lái xe ô tô dịch vụ vận chuyển khách nên được người quản lý xe ô tô tin tưởng giao xe ô tô thông qua các hợp đồng thuê xe. Trong quá trình thuê xe ô tô tự lái, bị cáo Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Ngày 02/12/2020, Lê Minh Q đến cơ sở thuê xe ô tô tự lái tại số C, đường L thuộc khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận làm hợp đồng thuê xe ô tô biển số 86A-151.55 trị giá 541.800.000 đồng của ông Nguyễn Lê Công T1, thời gian thuê từ ngày 02/12/2020 đến ngày 01/01/2021. Ngày 05/01/2021, Lê Minh Q đem chiếc xe ô tô trên đi đến thôn A, xã T, huyện H, gặp ông Nguyễn Tấn N, là chủ tiệm cầm đồ, nói dối ông N đây là xe ô tô của Q mua nhưng chưa sang tên và cầm cố chiếc xe ô tô trên cho ông N lấy số tiền 185.000.000 đồng để tiêu xài dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho ông Nguyễn Lê Công T1. Tiếp đến, từ ngày 10/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Lê Minh Q đến Công ty V ở số C,

đường L, thuộc khu phố I, phường P, thành phố P gặp ông Trương Phạm Duy P là giám đốc công ty làm hợp đồng thuê xe ô tô gồm: ô tô biển số 77A-223.26 trị giá 470.476.530 đồng, xe ô tô biển số 86A-159.23 trị giá 1.033.853.800 đồng và ô tô biển số 86A-196.85 trị giá 811.037.700 đồng để chạy dịch vụ. Sau đó, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để tiêu xài và trả nợ nên thông qua mạng xã hội Facebook, Q thuê người làm giả 02 căn cước công dân mang tên Đặng Trung T4 và 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86A-196.85 và 86A-159.23 mang tên chủ xe Đặng Trung T4. Sau khi có giấy tờ giả, Q cầm cố xe ô tô biển số 86A-196.85 cho ông Nguyễn Công T2 ở phường P, thị xã L lấy số tiền 600.000.000 đồng, cầm cố xe ô tô biển số 86A-159.23 cho ông Hồ Tấn D ở xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lấy số tiền 540.000.000 đồng và cầm cố xe ô tô biển số 77A-223.26 cho ông Trương Thanh B ở phường L, thành phố P lấy số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền có được sau khi cầm cố xe, Q đã tiêu xài và trả nợ tiền đánh bạc dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho ông Trương Phạm Duy P.

Hành vi của bị cáo Lê Minh Q 04 lần thuê xe ô tô tự lái bằng hợp đồng thuê xe, có tổng giá trị của 4 chiếc xe ô tô là 2.857.168.030 đồng, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt 04 xe ô tô bằng việc cầm cố tài sản cho người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Trong việc chiếm đoạt tài sản 04 xe ô tô tự lái, có hai lần bị cáo sử dụng giấy tờ giả cầm cố xe ô tô cho người khác để chiếm đoạt tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo về hai tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã 04 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết bị cáo trả tiền thuê xe cho bị hại, HĐXX xét thấy đây chỉ là việc tạo niềm tin cho bị hại tiếp tục giao xe cho bị cáo thuê, không phải là tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả nên không chấp nhận.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Lê Minh Q là người thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật nhà nước bảo vệ. Chỉ vì nợ nần mà bị cáo đã dùng những thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản khi đang sử dụng tài sản thuê của người khác. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Mục đích

của việc chiếm đoạt tài sản của bị cáo là dùng cho việc trả nợ đánh bạc và tiêu sài cá nhân. Trong lần chiếm đoạt tài sản đầu tiên, bị cáo đã bị cơ quan điều tra khởi tố nhưng bị cáo vẫn không rút ra bài học cho mình mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây nhiều bức xúc cho bị hại và những đương sự khác. Trên cơ sở cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: HĐXX cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và để răn đe, phòng, chống tội phạm chung. Bị cáo phạm hai tội nên HĐXX cần xử lý từng tội và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cả hai tội.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với 4 chiếc xe ô tô bị chiếm đoạt, chủ sở hữu xe đã nhận lại không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhận cầm cố tài sản, ông Nguyễn Tấn N yêu cầu bị cáo Lê Minh Q trả lại 185.000.000 đồng. Ông Hồ Tấn D yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 540.000.000 đồng. Ông Nguyễn Công T2 yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 600.000.000 đồng. Ông Trương Thanh B yêu cầu Lê Minh Q bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. Việc nhận cầm cố tài sản giữa bị cáo Q với ông Nguyễn Tấn N, ông Hồ Tấn D, ông Nguyễn Công T2, ông Trương Thanh B là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật nên các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, bị cáo có lỗi mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo qui định tại Điều 122, Điều 123, Điều 131 Bộ luật dân sự. Các đương sự chỉ yêu cầu bồi thường bằng số tiền bị cáo đã nhận là có lợi cho bị cáo nên HĐXX buộc bị cáo Q phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho các đương sự.

[7] Đối với ông Nguyễn Thanh P1, ông Nguyễn Tấn N, ông Huỳnh Văn S, ông Hồ Tấn D ông Nguyễn Công T2, ông Trương Thanh B khi tham gia giao dịch cầm cố xe ô tô đều không biết xe ô tô trên là do Q thuê rồi đem đi cầm cố do đó cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: theo Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn Cứ:** khoản 4 Điều 175 và khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự ;

* **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Minh Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

* **Xử phạt:** Bị cáo Lê Minh Q 15 năm tù (mười lăm năm tù) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù (bốn năm tù) về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt chung của hai tội là 19 năm tù (mười chín năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/02/2023.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 122, Điều 123, Điều 131 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Minh Q trả lại cho ông Nguyễn Tân N số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Minh Q trả lại cho ông Hồ Tấn D số tiền 540.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Minh Q trả lại cho ông Nguyễn Công T2 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Minh Q trả lại cho ông Trương Thanh B số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* **Về án phí:** áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Lê Minh Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 89.143.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (16-01-2024). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BT;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh BT;
- UBND địa phương nơi bc cư trú;
- Cục THADS tỉnh BT;
- PV06, PC02, Trại 01 (CA tỉnh BT).
- Công TTĐT TANDTC.
- Lưu hồ sơ, tổ HCTP, Tòa HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Lê Phương

